

ĐẶC ĐIỂM TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG QUẢNG BÌNH VÀ VIỆC PHẢN ÁNH TRONG TỪ ĐIỂN PHƯƠNG NGỮ QUẢNG BÌNH

TS. VÕ THỊ DUNG
MAI THỊ HUYỀN ANGA
Trường Đại học Quảng Bình

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu tiếng địa phương Quảng Bình có vị trí quan trọng trong nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đồng đại và lịch đại của tiếng Việt bởi xét về lịch sử, Quảng Bình có lịch sử khá đặc biệt và quan trọng trong tiến trình “khai hoang mở đất” của ông cha vào miền trong, cách nay hàng trăm năm. Thời cổ đại, đây là nơi diễn ra các cuộc chiến giữa Âu Lạc và Lâm Ấp chống Trung Hoa. Thời trung đại, Quảng Bình là mảnh đất giao tranh, phân giới của Chăm và Việt, của Đàng trong và Đàng ngoài. Khi cuộc nội chiến phân tranh Trịnh - Nguyễn nổ ra, sông Gianh trở thành giới tuyến phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài. Về ngôn ngữ, Quảng Bình vốn là mảnh đất giao thoa của nhiều luồng văn hóa khác nhau (văn hoá Đàng Trong, Đàng Ngoài, văn hoá Phú Xuân, văn hoá Trung Hoa, văn hoá Chămpa...). Theo Nguyễn Quang Hồng (1981), Hoàng Thị Châu (1988), Hoàng Dũng (1986), Cao Xuân Hạo (1998), Phạm Văn Hào (2016), tiếng nói Quảng Bình được xếp vào phương ngữ Bình Trị Thiên, hội tụ các đặc điểm của phương ngữ Bắc Trung Bộ tạo nên bản sắc rất riêng... Trong ngôn ngữ, tiếng Quảng Bình có các yếu tố tiếp xúc gần gũi với phương ngữ Nghệ Tĩnh nhưng có sự khác biệt đáng kể về ngữ âm, ngữ nghĩa.

Từ trước đến nay, phương ngữ Quảng Bình đã được các nhà ngôn ngữ học nước ngoài và trong nước quan tâm. Tuy nhiên, các công

trình trước về đối tượng này chủ yếu chỉ bàn về phương diện ngữ âm. Từ vựng địa phương Quảng Bình, đặc biệt là phương diện ngữ nghĩa phản ánh trong từ điển phương ngữ chưa được khảo sát đầy đủ và chưa có một chuyên luận bàn riêng.

Chọn từ vựng địa phương Quảng Bình làm đề tài với trọng tâm hướng vào ngữ nghĩa, khảo sát chúng trên nhiều hướng mở theo quan điểm của ngôn ngữ học hiện đại, nghiên cứu này là kết quả khảo sát của chúng tôi được công bố trong kết quả nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trong thời gian gần đây. Cùng với các nhà nghiên cứu đi trước, bài viết đề cập đến đặc điểm tiếng địa phương Quảng Bình nhằm xác định một bức tranh toàn cảnh về vốn từ địa phương của vùng đất này, miêu tả các đặc điểm từ vựng - ngữ nghĩa và sự hành chức của từ địa phương trong các sáng tác thơ dân gian, cũng như những nét sắc thái văn hoá của người Quảng Bình qua thói quen ứng xử, tri nhận trong cuộc sống được thể hiện trong từ điển phương ngữ Quảng Bình.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm tiếng địa phương Quảng Bình

2.1.1. Tiếng địa phương Quảng Bình trong hệ thống phương ngữ tiếng Việt

Phương ngữ là ngôn ngữ của một địa phương bao gồm cả mặt ngữ âm, từ vựng lẫn ngữ pháp. Nguyên nhân xuất hiện chủ yếu của từ địa phương là do sự phân hoá về dân cư, địa

lý và giao thương hàng hoá. Ngoài ra, sự phân hóa về mặt chính trị, xã hội cũng là một nhân tố khác tác động đến sự hình thành của phương ngữ. Có nhiều khuynh hướng phân chia vùng phương ngữ ở Việt Nam dựa trên đặc điểm khác nhau chủ yếu ở ngữ âm, từ vựng, cuối cùng là một chút khác biệt ngữ pháp trong đó ngữ âm là nhiều nhất và đôi khi sự khác biệt về từ vựng có thể dẫn đến hiểu sai hay nhầm lẫn. Theo quan điểm của đa số các nhà nghiên cứu về phương ngữ tiếng Việt, tiếng Quảng Bình thuộc phương ngữ Bắc Trung Bộ.

2.1.2. Việc nghiên cứu về tiếng địa phương Quảng Bình

Quảng Bình là một tỉnh duyên hải thuộc vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam, là tỉnh giàu tiềm năng du lịch, giàu truyền thống lịch sử, đặc sắc về văn hóa và ngôn ngữ. Về mặt ngôn ngữ, tiếng Quảng Bình vừa có nét đặc thù rất riêng, vừa có yếu tố của các phương ngữ Bắc Trung Bộ. Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về tiếng Quảng Bình dưới những góc độ khác nhau, trong đó đáng đề cập đến những công trình sau: Về phương diện ngữ âm, một số công trình nghiên cứu đã có những đóng góp nhất định trong việc tìm hiểu đặc trưng phương ngữ này, cụ thể: Hoàng Thị Châu (1988) với bài viết “Về 4 phụ âm ngạc hóa còn lại trong tiếng Việt vùng Bắc Bình Trị Thiên” (Nxb Khoa học Xã hội); Đặng Xuân Lộc (2004) với công trình “*Thổ âm Quảng Trạch*” (Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Vinh); Nguyễn Văn Lợi với bài “*Thanh điệu và vấn đề cơ tầng Chăm trong thổ ngữ Cao Lao Hạ - Bố Trạch, Quảng Bình*” (Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh)...

Về mặt từ vựng, nhiều nghiên cứu làm rõ những đặc trưng cơ bản của tiếng Quảng Bình và vị trí của nó trong ngôn ngữ toàn dân như Nguyễn Tri Niên (1981) có bài “*Một số ý kiến*

về những hiện tượng tương ứng từ vựng giữa phương ngữ với ngôn ngữ toàn dân” (Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội); Dương Thị Thanh Huyền (2016) có “*Thổ ngữ làng biển Thanh Bình (Kẻ Đại) ở Quảng Trạch, Quảng Bình*” (Kỷ yếu Hội thảo “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường”, Nxb Dân Trí, Hà Nội).

Về phương diện từ điển tiếng địa phương đã có những nghiên cứu đóng góp cứ liệu quan trọng trong việc xác định sự biến đổi từ ngữ địa phương theo xu hướng hội nhập và phát triển. Cụ thể: Phạm Văn Hào (2009) có “*Từ điển phương ngữ Tiếng Việt*” (Nxb Khoa học Xã hội), Nguyễn Như Ý (2009) có “*Từ điển tiếng địa phương*” (Nxb Khoa học Xã hội), Bùi Minh Đức (2009) có công trình “*Từ điển tiếng Huế*” (Nxb Văn học)...

Ngoài ra có nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, sáng tác văn chương liên quan đến tiếng Quảng Bình như “*Tiền sử Quảng Bình*” của tác giả Lê Đình Phúc (1997). Trần Hùng (1996) với “*Văn học dân gian Quảng Bình*” (Nxb VHNT - Sở Văn hoá và Thông tin Quảng Bình). Nguyễn Thế Hoàn (2001) có “*Giá trị tinh thần truyền thống con người Quảng Bình*”. Văn Lợi và Nguyễn Tú (2001) có “*Địa chỉ văn hoá miền biển Quảng Bình*”. Nguyễn Tú (1998 và 2007) có bài “*Quảng Bình nước non và lịch sử*” và “*Những nét đẹp về văn hoá cổ truyền Quảng Bình*”. Nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Thái có công trình “*Tổng tập địa chí Quảng Bình*”. Tác giả Đinh Thanh Dự (2010) có “*Văn hóa dân gian Bru-Vân Kiều, Chứt ở Quảng Bình*”. Võ Xuân Trang và Đinh Thanh Dự (2011) nghiên cứu “*Văn hóa dân gian của người Nguồn ở Việt Nam*”...

Mặc dù nghiên cứu về phương ngữ Quảng Bình thể hiện khá toàn diện về mặt ngữ âm, từ vựng, địa danh cũng như những nghiên cứu

dưới góc độ lịch sử, văn hóa, văn học dân gian nhưng cho đến nay chưa có công trình đề cập đến một cách quy mô, toàn diện, chuyên sâu và đầy đủ về việc xây dựng từ điển phương ngữ Quảng Bình.

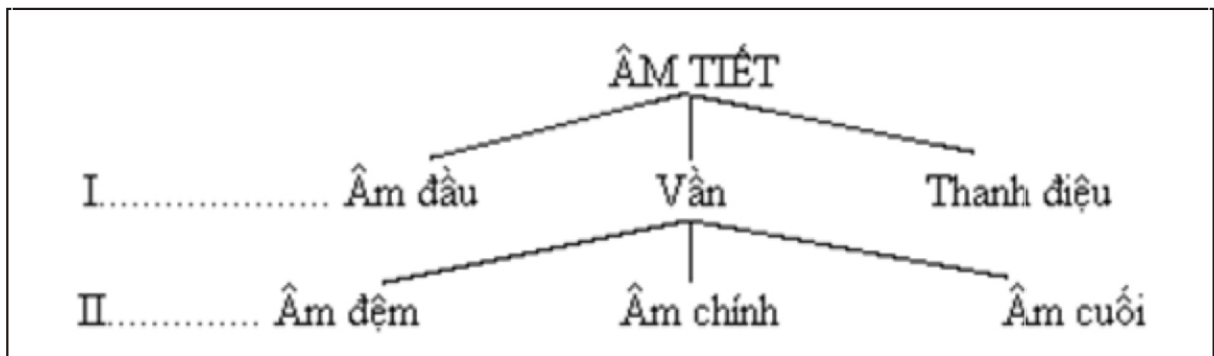
2.1.3. Một số đặc điểm của tiếng địa phương Quảng Bình

2.1.3.1. Về ngữ âm

a) Cấu trúc âm tiết tiếng địa phương Quảng Bình

100 vần. So với tiếng Việt chung, số vần trong phương ngữ này ít hơn (tiếng Việt phổ thông có 166 vần (115 vần không có âm đệm và 51 vần có âm đệm /w/). Các nguyên âm đôi bị nhược hóa yếu tố đầu. Các vần có nguyên âm kết hợp với bán nguyên âm cuối /u/ có xu hướng chuyển thành đơn, như ây, êu, au, ay > /a/; ao chuyển thành /u/. Sự khác biệt tương ứng về vần của tiếng địa phương Quảng Bình so với tiếng Việt phổ thông, cụ thể:

Sơ đồ 1: Cấu tạo âm tiết tiếng địa phương Quảng Bình



b) Âm đầu

Tiếng địa phương Quảng Bình có 21 phụ âm đầu, bao gồm: /b, m, f, v, t, t', d, n, z, z', s, s', c, t, l, k, χ, η, γ, h/. Các âm uốn lưỡi có xu hướng mất dần đặc điểm uốn lưỡi này. Một số phụ âm của tiếng Quảng Bình có xu hướng phát âm khác do chênh giọng như *nh-l, d/gi, s-th* (miền biển), *t-c, êt-êêc, v-b, d-đ, gi/tr* trong các từ *hoa nhài/lài, quả dứa/rứa, giết/giéc, biết/biéc, on/oong, ông ngoại/ông ngoài, vú/bụ...* Trong 21 phụ âm nêu trên, ngoài cách phát âm giống với tiếng Việt phổ thông, một số phụ âm có cách phát âm mang tính cá biệt. Do vậy, trong nghiên cứu, chúng tôi tập trung đề cập đến các phụ âm và biến thể phụ âm của tiếng địa phương Quảng Bình (/t, b, d, p^h, k^h, γ/) nhằm làm nổi bật nét riêng, nét đặc trưng của vùng đất này.

c) Vần

Trong tiếng Quảng Bình có khoảng hơn

- Vần *a-ua*: ngá/ngứa (miệng); ai-uoi: lái/lưởi (bắt, đánh cá); an-uron: mạn/mượn; au-âu: lâu bầu/lâu bầu; âm-âm: gặm/gặm (xương); ây-ai: đậy/đái (dằm).

- Vần *en-e*: mèn/(rui) mè; eng-anh: eng/anh, keng/canh; éc-ách: séc/(nói) thách, éc/ách; êng-ênh: bêng/bênh; êc-êch: nhéc/(ngóc) nhéc.

- Vần *i-ây*: chí/chấy; i-ay: mi/mày (tao); in-ân: chin-chân, ghin/gân; in-i: bín/bí; ing-iêng: mình/miêng; ít-át: nhít/nhát; ít-ut: bít/bút (cỏ); iu-uru: biu/buru (điện); iêu-uru: riệu/rượu; iên-ê: kiên/ê (răng).

- Vần *o-ua*: ló/lúa, oi-uôi: mói/muối; ot-úót: nót/nuót; oong/uông: roong/ruông; oong-ong: troong/trong; ooc-oc: boóc/bóc (vỏ); ôông/ông: Trông/trông; ôôc-ôc: ôóc/óc; ơ-âc: bớ/(gió) bắc; oi-ai: moi/mai; ong-ung: hóng/húng; ong-ương: chông/giường; ot-urot: trọt/trọt; ot-at: lợt/nhật.

- Vần *u-âu*: nu/nâu, su/sâu; ui-ôi: tui/tôi; un-ôn: hun/hôn; ung-ông: phùng/phồng; u-ơ: mự/mợ; uoi-ui: chươi/chửi.

d) Phần cuối âm tiết

Tiếng địa phương Quảng Bình có 6 phụ âm cuối /-m, -p, -n, -t, -ŋ, -k/ và 2 bán nguyên âm /-w, -j/ được phân bố đều sau các nguyên âm. Tuy nhiên vẫn có một số trường hợp cần lưu ý. Cụ thể:

- Bán nguyên âm /-w/ không đứng sau các nguyên âm dòng sau.

- Bán nguyên âm /-j/ không đứng sau các nguyên âm dòng trước.

e) Thanh điệu

Tiếng địa phương Quảng Bình có 5 thanh điệu, bao gồm: ngang, huyền, sắc, nặng, hỏi và thiếu vắng thanh ngã (do phần lớn thanh ngã nhập vào thanh hỏi thậm chí nói chệch ngã sang nặng như *cửa nhà - cửa nhà, trắng cát - trắng cát...*, hoặc một số vùng nhập thanh huyền và thanh nặng [3], [10]. Riêng một số vùng như Hương Hóa, Thanh Hóa (Tuyên Hóa), Hạ Trạch (Bố Trạch) chỉ còn 4 thanh điệu [Hoàng Thị Châu].

2.1.3.2. Về cấp độ từ vựng

Nhìn chung, phương ngữ Quảng Bình có thể phân ra một số lớp từ sau:

- Lớp từ có sự đồng nhất với tiếng Việt văn hóa chung: *ăn uống, trời, đất, nhà, cây, bàn, ghế...* Chúng là các từ chung, có ở tất cả các phương ngữ và không phải là đối tượng thu thập của từ điển phương ngữ.

- Lớp từ có ở nhiều phương ngữ (tức không chỉ có ở tiếng Quảng Bình mà ở nhiều tỉnh ở miền Trung: *mì (sắn), thơm (dứa), bông bụt (hoa dâm bụt), chôm chôm, mận (roi), chén (bát), li (cốc), dạ (vâng), nghe (nhé), ba (bố), mạ (mẹ), ghe (thuyền),...*

- Lớp từ vốn là của phương ngữ Bắc Trung Bộ nhưng được sử dụng phổ biến ở tiếng Quảng Bình: *mô (đâu), té (kia) răng (sao), ríra*

(thê), *ni (này), chi (gì), mần (làm), mần chi (làm gì), can chi (can gì), phải chi (phải gì), vô (vào),...*

Lớp từ này chủ yếu ở các hư từ, là các từ để hỏi, các đại từ chỉ định,... vốn sử dụng ít tại khu vực phía bắc của phương ngữ Trung Bộ. Chúng làm nên đặc điểm “chuyển tiếp” vào phương ngữ Nam của tiếng địa phương này. Đây là lớp từ được thu thập để đưa vào từ điển.

- Lớp từ “đặc sắc của Quảng Bình”, tức là được sử dụng phổ biến ở các địa phương trong tỉnh Quảng Bình, đó là các từ “*doọc*” quá (mệt quá), “*roong*” (ruộng), “*gộc*” (gốc), “*bâu*” (túi áo, quần), “*to chừ bự*” (to lớn), “*riá*” (đĩa), “*lợ*” (dờ dang, chậm trễ), “*bọ*” (ba)... Tuy nhiên, đối với từ nhóm này, cần lưu ý so sánh với các tiếng địa phương khác (ở liền kề), dùng phương pháp loại trừ để lớp từ này xứng đáng là “đặc sản” chỉ có ở vùng đất này.

* Xác định khái niệm “hiện tượng ngữ âm - từ vựng”

Tiếng địa phương Quảng Bình bên cạnh sự thống nhất với tiếng Việt phổ thông, vẫn có những nét khác biệt thú vị đặc biệt ở lối phát âm (chệch giọng). Trong từ điển, chúng tôi không biên soạn các từ có sự biến âm “thuần túy” thành mục từ, bởi khó có thể ghi chép và sắp xếp hết được, ví dụ: đại - rại, dự bị - rự bị, trèo - tèo, tra trấn - ta tắng... Trong các hiện tượng ngữ âm, yếu tố chữ viết và sự quen dùng đã tạo nên hiện tượng thú vị và thường gọi là các đơn vị *biến thể ngữ âm - từ vựng*: ruộng - roong, muối - mói, củ nghèn - củ nghệ, hôn - hun, nói thách - nói séc, nuốt - nót... được thu thập trong từ điển tiếng Quảng Bình

* Xác định từ ngữ địa phương

Theo quan niệm chung, từ địa phương chủ yếu là từ vựng khẩu ngữ - có khác biệt về ngữ âm và nghĩa so với tiếng Việt phổ thông, được sử dụng hạn chế ở một hoặc nhiều vùng địa phương. Theo nguyên tắc thông thường, nếu

không có từ tương đương trong tiếng Việt chung thì đó không phải hoặc chưa phải là từ địa phương. Tuy nhiên, khi làm từ điển phương ngữ, các kiểu loại từ này có thể được đưa vào bảng từ cho phong phú và nhóm nghiên cứu đã kiểm chứng điều này qua những cuốn từ điển phương ngữ được xuất bản thời gian gần đây.

+ Các từ có nguồn gốc Chăm: Ở Quảng Bình, về ngôn ngữ vẫn có những vết tích ít nhiều tiếng Chăm (cùng âm, cùng nghĩa) với tiếng thổ ngữ Quảng Bình nhưng số lượng khá khiêm tốn.

Bắc; làng Cao Lao Hạ, Lý Hòa, Diêm Điền có sự khác biệt về thanh điệu, lẫn lộn giữa các thanh (thanh ngang và thanh huyền).

2.2. Từ địa phương Quảng Bình phản ánh trong từ điển phương ngữ Quảng Bình

2.2.1. Khái niệm từ điển

Theo quan niệm chung của nhiều nhà nghiên cứu như L. Zgusta (1984), Keating (1988), Nguyễn Văn Tu (2001), Phạm Hùng Việt (2011) cho rằng, từ điển là tập hợp và sắp xếp các từ ngữ trong kho từ vựng của một ngôn ngữ theo một khuôn mẫu có tính hệ thống. Thông tin thể hiện trong từ điển bao

Tiếng Quảng Bình	Tiếng Chăm
Bụi (bụi cây)	Bui
Mụ (bà già, mụ tra)	Mũ
Thăm thừa (sắm sửa)	Thăm thơ
Bàu tró	Bàu ló
Tra (nồi đất)	Tlả (nồi dùng kho cá)
Ni (đây, này)	Ni
Tê (kia)	Tlê
Ma rà (Ma ở sông, biển)	Ma rà
Mo (gàu)	Mo

+ Thổ ngữ trong tiếng địa phương Quảng Bình: Dựa trên đặc điểm ngữ âm của tiếng địa phương Quảng Bình và tính chất lịch sử, địa lý cũng như tham khảo các nguồn tài liệu, có thể phân chia tiếng địa phương Quảng Bình thành 4 vùng thổ ngữ: Quảng Trạch - Ba Đồn, Tuyên Hóa - Minh Hóa, Bố Trạch và Lệ Thủy - Đồng Hới.

Mặc dù có sự phân chia giữa các vùng thổ ngữ song chỉ mang tính chất tương đối bởi có một số đặc điểm ngữ âm của vùng này có thể xuất hiện rải rác ở vùng khác. Ví dụ: thổ ngữ của làng Thổ Ngọa (Quảng Trạch) lại tương ứng với vùng thổ ngữ Tuyên Hóa - Minh Hóa; thổ ngữ làng Cảnh Dương giống phương ngữ

gồm: chính tả, phát âm, định nghĩa giải thích, từ chuyển dịch tương đương, từ phái sinh, các lớp ngữ pháp, cách dùng từ, tra cứu ngang tới các mục từ khác, tranh minh họa, từ nguyên, nguồn tham khảo,... Ngoài ra, cuốn từ điển còn cung cấp các vốn từ để tra cứu tiếng phổ thông và học ngoại ngữ.

2.2.2. Từ điển địa phương

Trong quá trình hình thành và phát triển ngôn ngữ, từ địa phương có vai trò vô cùng quan trọng. Song sự tách bạch giữa từ địa phương và từ toàn dân là rất mờ nhạt và luôn có sự biến động. Hiện nay có rất nhiều cuốn từ điển ở các vùng phương ngữ ở Việt Nam đã được biên soạn nhằm lưu giữ những nét văn

hóa đặc sắc của mỗi vùng miền: *Từ điển phương ngữ tiếng Việt* của Đặng Thanh Hòa (2005); *Từ vị tiếng Việt miền Nam* của tác giả Vương Hồng Sển (1993); *Từ điển phương ngữ Nam Bộ* của Nguyễn Văn Ái (1994); *Từ điển từ ngữ Nam Bộ* của tác giả Huỳnh Công Tín (2009); *Từ điển tiếng Nghệ* của Trần Hữu Thung và Thái Kim Đình (1998); *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh* của Nguyễn Nhã Bản (2000); *Từ điển tiếng Huế* của Bùi Minh Đức (2001)... Từ điển phương ngữ lấy việc thu thập, xử lý, hệ thống hóa các biến thể từ ngữ ở các địa phương làm đối tượng phản ánh giúp người đọc tra cứu các thông tin về ngữ nghĩa. Vì vậy, từ điển phương ngữ có tác dụng rất lớn trong sự phát triển của văn hóa, giáo dục và mở rộng giao lưu giữa các vùng miền khác nhau. Xây dựng mẫu định nghĩa là việc làm quan trọng trong biên soạn từ điển.

2.2.3. Các nguyên tắc biên soạn từ điển

2.2.3.1. Xây dựng anket và phương pháp thu thập

Trong nghiên cứu ngôn ngữ nói chung, việc lập bảng anket về điều tra từ vựng, về ngữ âm, về ngữ pháp nhằm tìm ra những đặc điểm chung và khác biệt hay là những đặc trưng

giữa các ngôn ngữ. Trong điều tra phương ngữ tiếng Quảng Bình, nhóm nghiên cứu chú trọng đến anket về từ vựng, anket về ngữ âm và anket về ngữ pháp.

2.2.3.2. Cấu trúc của bảng từ (anket) điều tra phương ngữ

Bảng từ gồm hai phần chính: phần thứ nhất ghi thông tin liên quan đến việc điều tra; phần thứ hai là toàn bộ mục từ cần điều tra. Dựa trên lý thuyết trường nghĩa, nhóm nghiên cứu đã thiết lập được một bảng từ với 18 trường (thể giới, bộ phận cơ thể, hoạt động, thực vật, động vật, hoạt động sinh lý, tâm lý, giao tiếp, trạng thái tâm lý, tín ngưỡng, quan hệ gia đình, xã hội...) với hơn 4.000 đơn vị từ ngữ và kết quả điều tra khảo sát chúng tôi thu thập được khoảng hơn 5.630 từ địa phương Quảng Bình.

Khi biên soạn từ điển nói chung, nhóm nghiên cứu quan tâm đến các vấn đề: cấu trúc vi mô, vĩ mô của từ điển; thu thập và giải thích thuật ngữ trong từ điển; các kiểu chú giải trong từ điển... Chúng tôi sử dụng 10 mô hình định nghĩa như sau: A-X, A-Xabc, A-abcX, A-xxx X xxx, A-X (xxx), A-(xxx) X (xxx), A-Y, A-Y xxx, A-xxx Y, A-xxx Y xxx.

2.2.4. Từ và ngữ tiếng địa phương Quảng Bình

TT		Số lượng	Ví dụ
1	Lớp từ có ở nhiều phương ngữ khác	2.890	Đòn triêng <i>d.</i> Đòn gánh. <i>Vai tôi gánh gẫy còn triêng, /Chuyên trăm tấn thóc, chuyển nghìn tấn phân.</i> (cd) Môn <i>d.</i> Khoai môn, khoai sọ. <i>Ai về Võ Xá thì về, khoai xôi, môn dưới ló kê bên lưng.</i> (cd)
2	Lớp từ điển hình cho tiếng Quảng Bình	2.840	Mông <i>d. x.</i> mông. Cầu vòng. <i>Mông dài trôi</i> (trời) <i>lụt, mông cụt trôi</i> (trời) <i>mưa.</i> (tng) Oón <i>đg.</i> (t.Ng). Uông. Ôông <i>thiên d.</i> Con chuột. Quách <i>xác đg.</i> Mặc kệ, kệ xác.

3. Kết luận

Nghiên cứu và biên soạn từ điển phương ngữ Quảng Bình là hướng nghiên cứu mang tính ứng dụng nhằm thu thập, nghiên cứu, bảo tồn vốn từ ngữ quý giá của địa phương.

- Quảng Bình là vùng đất có những sắc thái riêng về địa hình, khí hậu, đời sống kinh tế, văn hóa và ngôn ngữ. Tính đa dạng trong các vùng thổ ngữ ở Quảng Bình được thể hiện về mặt ngữ âm, từ vựng, các giá trị của tiếng địa phương Quảng Bình trong đời sống văn hóa cộng đồng và trong sáng tác văn chương. Qua nghiên cứu thực địa tiếng địa phương Quảng Bình, nhiệm vụ KH&CN đã xây dựng được bảng từ gồm hơn 5.600 từ trong đó nhiều từ địa phương vừa có nét đặc thù rất riêng, vừa có yếu tố của các phương ngữ Bắc Trung Bộ.

- Việc xây dựng từ điển phương ngữ Quảng Bình được xác định đây là cuốn từ điển cỡ nhỏ khoảng 5.600 từ chia thành 18 tiểu mục chủ đề và là từ điển ngôn ngữ (phương ngữ) - miêu tả những nét cơ bản vốn có mà không chú

trọng nhiều đến giải thích hay cung cấp các kiến thức hàn lâm.

- Các từ, nhóm từ, các trường ngữ nghĩa trong từ điển được lựa chọn sắp xếp theo logic, trật tự nhất định bao gồm các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội của người dân Quảng Bình. Bên cạnh những lớp từ đồng nhất với tiếng Việt phổ thông, lớp từ sử dụng nhiều ở một số phương ngữ khác thì lớp từ “đặc sản” Quảng Bình thể hiện nhiều ở sự biến âm (nói chệch) hay khác dấu như “*doọc*” quá (mệt quá), “*roong*” (ruộng), “*gộc*” (gốc), “*bâu*” (túi áo, quần), “*to chừ bự*” (to lớn), “*riá*” (đĩa), “*lợ*” (dở dang, chậm trễ), “*bọ*” (cha/ba), “*đập đeo*” (bám, níu chặt), “*rúng rả*” (thong thả, từ tốn), “*rúa thoi ro*” (vậy thoi, đành vậy), “*quái*” (lắm, rất), “*nap*” (hàng rào)... Chính điều này đã tạo nên sắc thái địa phương và không kém phần sinh động trong giao tiếp của người Quảng Bình và góp phần bổ sung cho kho tàng ngôn ngữ phổ thông ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Nhã Bản - Hoàng Trọng Canh - Phan Mậu Cảnh - Nguyễn Hoài Nguyên (1999), *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
3. Hoàng Thị Châu (1988), *Tiếng Việt trên các miền đất nước (phương ngữ học)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.24.
4. Hoàng Thị Châu (1988), *Về 4 phụ âm ngạc hóa còn lại trong tiếng Việt vùng Bắc Bình Trị Thiên*, sách “Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á”, Nxb Khoa học Xã hội, tr.19-22.
5. Ngô Văn Doanh (2003), Thành khu trú và những dấu tích ở Cao Lao Hạ, *Tạp chí nghiên cứu lịch sử*, số 2, tr.14-17.
6. Phạm Văn Hào (2009), *Từ điển phương ngữ Tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
7. Nguyễn Đình Hùng (2014), Đặc điểm ngữ âm tiếng địa phương Quảng Bình khảo cứu qua lớp từ địa danh, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*.
8. Trần Hùng (1996), *Văn học dân gian Quảng Bình*, Nxb VHNT - Sở Văn hoá và Thông tin Quảng Bình.
9. Đặng Xuân Lộc (2004), *Thổ âm Quảng Trạch*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Vinh.
10. Võ Xuân Trang (1987), *Phong ngữ Bình Trị Thiên*, Nxb Khoa học Xã hội.